

Bản án số: 116/2019/HS-ST
Ngày 29-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Bùi Văn Đức.

Bà: Nguyễn Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Thê Trung -Thư ký tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Thạch- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại hội trường xét xử số 1 trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Hoàng Đức N, sinh ngày 30 tháng 12 năm 1982, tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đức C, sinh năm 1962 và bà Đỗ Thị Nh, sinh năm 1964. Trú tại Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 (Đã ly hôn); tiền án: 01. Tại bản án hình sự số 88/2016/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt bị cáo Hoàng Đức N 1 năm 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án này đã xác định tái phạm, đến nay chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18 tháng 10 năm 2019. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai. Có mặt.

Người bị hại: Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn S, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02 năm 2019, Hoàng Đức N làm quen với chị Trần Thị Nh, sinh năm 1976, trú tại thôn B, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai thông qua mạng xã hội zalo. Đến ngày 27 tháng 05 năm 2019, N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION BKS: 24B1-881.14 của chị Nh nên đã hẹn gặp chị Nh tại cửa hàng Đ để đi chơi. Chị Nh mượn chiếc xe trên của Lê Văn S là con của chị Nh và điều khiển đến địa điểm như đã hẹn nhưng không thấy N ở đó nên chị Nh đã gọi điện cho N, N nói là đang đợi tại cửa hàng xăng dầu B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Chị Nh điều khiển xe tới nơi thì gặp N, rồi dừng xe thì N bảo chị Nh ngồi phía sau để N điều khiển, chị Nh đồng ý, N điều khiển chở chị Nh. N điều khiển xe đến khu vực ngã 6, thuộc tổ 56, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai thì N giả vờ có cuộc điện thoại gọi đến, cố ý nói to cho chị Nh ngồi sau xe nghe thấy được nội dung của cuộc đàm thoại “xe tao phanh rồi cơ mà” “trôi vào nhà dân à” và cần N đến để giải quyết. N tiếp tục điều khiển xe đến trước cửa một nhà nghỉ trên đường H, dừng xe bảo chị Nh đứng chờ và hỏi mượn chị Nh chiếc xe để đi giải quyết công việc. Chị Nh tin tưởng N nói thật nên đã đồng ý giao chiếc xe mô tô trên cho N mượn. N điều khiển xe mô tô đi về tỉnh V đến trưa ngày hôm sau gặp và bán cho hai nam thanh niên với giá 17.000.000đ. Sau khi giao xe cho N, chị Nh nhiều lần gọi điện cho N yêu cầu trả xe nhưng N nhất quyết không mang trả, đến khoảng 21 giờ cùng ngày, chị Nh không liên lạc được với N nữa. Đến ngày 23 tháng 09 năm 2019, chị Nh phát hiện Hoàng Đức N đang đi ở đường Cốc Lếu nên đã giữ lại và báo Cảnh sát 113 Công an tỉnh Lào Cai.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 75 ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Lào Cai kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 24B1-881.14, trị giá 19.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 120/CT-VKS ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, truy tố Hoàng Đức N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Đức N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Đức N mức án từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản cho người bị hại.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Hoàng Đức N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, bản kết luận định giá tài sản ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Lào Cai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có căn cứ xác định ngày 27 tháng 5 năm 2019, bị cáo Hoàng Đức N đã thực hiện hành vi lời nói đưa ra thông tin không có thật nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, làm chị Trần Thị Nh bị cáo nói thật nên đã giao chiếc xe mô tô, trị giá 19.500.000 đồng cho bị cáo. Hành vi của bị cáo Hoàng Đức N đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Hoàng Đức N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, tuy nhiên tại bản án số 88/2016/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai đã xác định bị cáo tái phạm, đến lần phạm tội này chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Đức N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ của bị cáo: Hội đồng xét xử nhận định tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo tuổi trẻ nhưng đã nhiều năm phải chấp hành án, không tích cực sửa chữa rèn luyện, cải tạo mà tiếp tục phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, điều đó cho thấy ý thức không tôn trọng pháp luật và tài sản của người khác. Nên cần xét xử mức án phù hợp tương xứng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội. Xét thấy bị cáo không nghề nghiệp, tài sản nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Nh yêu cầu bị cáo phải bồi thường 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 24B1-881.14, trị giá 19.500.000 đồng, cần buộc bị cáo phải bồi thường theo quy định pháp luật.

[7] Trong vụ án có đối tượng là hai người thanh niên mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 24B1-881.14 do bị cáo Hoàng Đức N bán. Quá trình điều tra, bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ nên cơ quan điều tra Công an thành phố Lào Cai không điều tra làm rõ được.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Hoàng Đức N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Hoàng Đức N 2 (Hai) năm 3 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt tạm giam ngày 18 tháng 10 năm 2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Hoàng Đức N phải bồi thường cho chị Trần Thị Nh số tiền là 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải bồi thường, nếu bị cáo không thi hành án đối với khoản tiền hoàn trả cho đến khi thi hành xong khoản tiền hoàn trả, thì hàng tháng bị cáo Hoàng Đức N phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hoàng Đức N phải chịu số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền là 975.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TP;
- CATP; Trại giam;
- Bị cáo;
- Người bị hại; NCQLLQ;
- Chi cục THATP;
- Sở tư pháp;
- Phòng lưu trữ hồ sơ CA tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Hà